| **TT** | **Kỹ năng** | **MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm |  |
|  | *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* |
| **1** | **Listening** |  | **5** |  | **4** |  |  |  |  |  | 9 |  |
| **2** | **Language** |  | **4** | 4 | **2** | 1 |  |  |  | 4 | 7 |  |
| **3** | **Reading** | 3 | **4** |  | 2 |  | **1** |  |  | 3 | 7 |  |
| **4** | **Writing** |  |  |  |  | 6 |  | **1 bài viết** |  | 6 | ` |  |
| **Số câu** | | **3** | **13** | **4** | **8** | **6** | **2** |  |  | **13+1 bài viết** | **23** |  |
| **Điểm số** | | **0,75** | **3,25** | **1** | **2** | **1,5** | **0,5** | **1,0** | **0** | **4,25** | **5,75** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **42,5%** | **57,5%** | **100** |
| **Tổng số điểm** | | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**MA TRẬN BÀI KT GIỮA HỌC KÌ II – TIẾNG ANH 7**

**Thời gian : 60 phút**

**BẢNG MÔ TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II**

**MÔN: TIẾNG ANH 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH*** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn độc thoại trong 1.5 phút (khoảng 80 – 100 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến chủ đề “festival”. | **Nhận biết:**  Nghe lấy thông tin chi tiết về chủ đề “festival”. | 3 |  | 2 |  |  |  |  |  | 5 |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2. Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1.5 phút (khoảng 80 – 100 từ) liên quan đến chủ đề “traffic” | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết. | 1 |  | 3 |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II. | **LANGUAGE** | **Pronunciation**  Cách đọc ed; phân biệt âm /eɪ/ and /ɪ/ | **Nhận biết:**  Nhận biết các âm thông qua các từ vựng theo chủ đề đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vocabulary**  Từ vựng đã học theo chủ đề: traffic, films, festival, should, must.. | **Nhận biết:**  Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.  - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (nối 2 vế của câu đơn…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Grammar**  Các chủ điểm ngữ pháp đã học: present simple tense, past simple tense, present progressive tennse. | **Nhận biết:**  Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. | 1 | 1 | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 1 |
| **Thông hiểu:**  Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học. |  |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| III. | **READING** | **1. Cloze test**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 80-100 từ về các chủ điểm: “traffic” | Nhận biết:  Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Thông hiểu:**  Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**  Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Reading** comprehension  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 100-120 từ, xoay quanh các chủ điểm có trong chương trình  (tiêu đề, từ quy chiếu, từ đồng nghĩa, 1 thông tin chi tiết có trong bài): *festival* | **Nhận biết:**  Thông tin chi tiết. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu ý chính của bài đọc. |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |
| **Vận dụng:**  - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.  - Hiểu, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| IV. | **WRITING** |  | **Nhận biết:**  Nhận diện lỗi về ngữ pháp và từ loại trong câu. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1. Sentence transformation**  Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước | **Thông hiểu:**  Sử dụng các từ đã để sắp xếp thành câu hoàn chỉnh. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi. |  |  |  |  |  | 6 |  |  |  | 6 |
| **2. Write a short paragraph (60- 80 words) about a film that you like the most (1.0p)** | **Vận dụng cao:**  Viết 1 đoạn văn có gợi ý theo chủ đề. |  |  |  |  |  |  |  | 1 bài |  | 1 bài |
| Tổng | |  |  | ***15*** | ***1*** | ***8*** | ***4*** | ***0*** | ***8*** |  | **1 bài** | **23** | **13+ 1 bài** |